

CHÍNH TẢ

(1 tiết)

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Rèn kĩ năng viết chính tả :
2. Nghe – viết chính xác một đoạn trong bài *Người liên lạc nhỏ*. Viết hoa các tên riêng : *Đức Thanh, Kim Đồng, Nùng, Hà Quảng*.
3. Làm đúng các bài tập phân biệt cặp vần dẽ lẩn (*au/âu*), âm đầu (*l/n*), âm giữa vần (*i/iê*).

260

nặng đó lên) ; *sậy* (cây có thân cao, lá dài, thường mọc ở bờ nước, dáng khẳng khiu. Có câu, VD : *Tay chân cậu ta khẳng khiu như ống sậy.*)

– Nhiều HS đọc lại từng cặp từ theo lời giải đúng. GV sửa lỗi cho những HS phát âm không phân biệt vần ay/ây.

– Cả lớp chữa bài trong vở hoặc VBT.

(Lời giải : *cây sậy / chày giã gạo ; dạy học / ngủ dậy ; sổ bảy / đòn bẩy*)

b) *Bài tập (3) – lựa chọn*

– GV chọn cho HS làm BT 3a hay 3b.

– HS làm bài CN.

– GV dán bảng 3 hoặc 4 băng giấy đã viết nội dung bài, mời mỗi nhóm 5 HS thi tiếp sức (mỗi em điền vào 1 chỗ trống trong khổ thơ hoặc đoạn truyện). HS thứ năm điền âm, vần cuối cùng và đọc kết quả làm bài của nhóm.

– Cả lớp nhận xét, bình chọn nhóm thắng cuộc.

– Năm hoặc sáu HS đọc lại khổ thơ, đoạn truyện đã hoàn chỉnh.

– Cả lớp làm bài vào vở hoặc sửa bài trong VBT.

(Lời giải :

Câu a) Trưa *nay – nầm – nấu* cơm – *nát – mọi lân*.

Câu b) *tìm* nước – *dìm* chết – *Chim* Gáy – thoát *hiểm*.)

4. Củng cố, dặn dò

GV nhắc nhở HS khắc phục những lỗi còn mắc phải trong tiết chính tả. Khuyến khích HS học thuộc lòng khổ thơ trong BT3a.

II - ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Bảng lớp viết 2 lần nội dung BT1.
- Ba hoặc bốn bảng giấy viết nội dung khổ thơ hoặc đoạn văn trong BT(3).

III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

A - KIỂM TRA BÀI CŨ

Một HS đọc cho 2 đến 3 bạn viết bảng lớp (cả lớp viết nháp) các từ ngữ : *huýt sáo, hít thở, suýt ngã, giá sách, dụng cụ* (MB) ; hoặc : *huýt sáo, hít thở, suýt ngã, nghỉ ngơi, vẻ mặt* (MN).

B - DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Hướng dẫn HS nghe – viết

a) *Hướng dẫn HS chuẩn bị*

- GV đọc đoạn chính tả. 1 HS đọc lại.
- Giúp HS nhận xét chính tả. GV hỏi :

+ *Trong đoạn vừa đọc có những tên riêng nào viết hoa ? (Đức Thanh, Kim Đồng : tên người ; Nùng : tên một dân tộc ; Hà Quảng : tên một huyện.)*

+ *Câu nào trong đoạn văn là lời của nhân vật ? Lời đó được viết thế nào ? (Nào, bác cháu ta lên đường ! là lời ông kể được viết sau dấu hai chấm, xuống dòng, gạch đầu dòng.)*

– HS đọc thầm lại đoạn chính tả, tự viết ra nháp (hoặc viết vào bảng con) những chữ các em dễ mắc lỗi khi viết bài.

b) *GV đọc cho HS viết*

c) *Chấm, chữa bài*

3. Hướng dẫn HS làm bài tập chính tả

a) *Bài tập 2*

- GV nêu yêu cầu của bài tập.

– HS làm bài CN. Các em viết ra nháp (hoặc VBT). GV theo dõi từng HS làm bài để phát hiện lỗi của HS. Chấm bài của một số HS.

– GV mời 2 HS lên bảng thi làm bài đúng nhanh ; đọc kết quả. Cả lớp và GV nhận xét (về chính tả, phát âm), chốt lại lời giải đúng.

– GV giải nghĩa từ : *đòn bẩy* (vật bằng tre, gỗ, sắt giúp nâng hoặc nhắc một vật nặng theo cách : tì đòn bẩy vào một điểm tựa rồi dùng sức nâng, nhắc vật